

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ - ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
“ V/v tranh chấp ly hôn và phân chia tài
sản chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Tất Hưng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yên - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Vĩnh Tường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên
toà:** Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh
Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2023/TLST- HNGĐ ngày
05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 153/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, năm sinh: 1962; Nơi ĐKKHKT: Tổ H,
ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã V, huyện V,
tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1958; Nơi ĐKKHKT: Tổ H, ấp C, xã
L, huyện B, tỉnh Bình Dương; Nơi tạm trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh
Phúc, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2024 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên
tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà kết hôn với ông Phan Văn K từ
năm 1981, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày
04/12/1981, sau khi kết hôn vợ chồng bà ra ở riêng ngay. Tháng 2 năm 1987 thì
vợ chồng đưa nhau đi làm ăn tại huyện B, tỉnh Bình Dương và ở đó cho đến năm
2007 ông K về quê V sống còn bà đến năm 2010 về V sinh sống. Tình cảm vợ
chồng ban đầu cũng hòa thuận hạnh phúc, đến năm khoảng năm 2010 thì vợ chồng

sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sinh được 02 con gái trong khi ông K muốn sinh con trai nên ông K có nói với bà là ông đi tìm người để sinh con trai cho ông và người phụ nữ đòi hỏi phải ly hôn bà thì mới đồng ý sinh con cho ông K nên từ đó cho đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, có lúc còn đánh nhau. Ông bà sống ly thân khoảng năm 2020 cho đến nay. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 8 năm 2023 ông K có làm đơn xin ly hôn bà gửi đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, nội dung đơn ông K yêu cầu xin ly hôn nhưng không đồng ý phân chia tài sản, do bà đề nghị phân chia tài sản chung khi ly hôn nên ông K đã rút đơn ly hôn bà, từ đó cho đến nay ông K liên tục chửi bới, xúc phạm bà nhiều lần, ngoài ra, ông K còn thay chìa khóa nhà và đến ngày 02/9/2023 ông K đã đuổi bà ra khỏi nhà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn bà xin được ly hôn với ông K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2024 cùng các lời khai tiếp theo bị đơn ông Phan Văn K trình bày: Về thời gian kết hôn quá trình chung sống như bà M trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K và bà M mâu thuẫn trong việc sinh con, bản thân ông cũng muốn có một người con trai nên khoảng tháng 8 năm 2023 ông có nộp đơn ly hôn với bà M là do ông là trưởng họ nên ông có bàn với bà M về việc vợ chồng thỏa thuận ly hôn để ông có giấy tờ độc thân của Tòa án để ông nhờ người sinh cho ông một người con trai nhưng sau đó bà M không đồng ý nên ông đã rút đơn ly hôn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 16/8/2023, sau đó ông vào tỉnh Bình Dương làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ ngày 02/9/2023 cho đến nay, thực tế vợ chồng chỉ mâu thuẫn về việc bắt đầu quan điểm trong việc sinh con, mong muốn của ông muốn có con trai để nối dõi. Nay bà M có đơn ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ cùng bà M để các con có bố và mẹ và vì các con ông chưa ai lấy chồng. Trường hợp bà M cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về biện pháp đoàn tụ ông sẽ thay đổi bản thân ông sẽ quan tâm đến bà M nhiều hơn, ông sẽ cố gắng khuyên bà M để bà M suy nghĩ lại về chung sống cùng nhau.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Hiếu T sinh ngày 21/3/1995 và Phan Thị Như Q sinh ngày 20/12/2003. Hiện nay các con đều đã thành niên và lao động tự túc được. Ly hôn bà M, ông K tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà M trình bày vợ chồng có tài sản chung bao gồm: 01 thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà là Nguyễn Thị M cùng tài sản gắn liền với thửa đất là 01 nhà xây 02 tầng và công trình phụ; 01 thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích 6001m² ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn K cùng tài sản gắn liền với thửa đất là 01 nhà xây cấp bốn đã cũ. Ly hôn bà M đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng, bà xin được sử dụng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích 6001m² ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương để làm nơi ăn ở vì hiện nay 2 con gái của bà đang sinh sống và làm việc tại huyện B, tỉnh Bình Dương. Còn lại giao cho ông K sử dụng thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và nhà xây hai tầng trên thửa đất nêu trên. Về chênh lệch tài sản bà không yêu cầu ông K phải thanh toán chênh lệch cho bà. Nếu ông K nhất trí giao thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cho bà sử dụng thì bà cũng nhất trí giao cho ông K sử dụng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích 6001m² ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương với điều kiện hai bên không phải thanh toán chênh lệch gì cho nhau.

Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án ông K trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu phân chia tài sản theo yêu cầu của bà M vì lý do toàn bộ tài sản có nguồn gốc là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng, ông K yêu cầu cho thời gian để ông chứng minh nguồn gốc đất và cung cấp tài liệu chứng cứ trong thời gian 4 tháng kể từ ngày hòa giải 22/01/2024 nhưng đến hạn ông K không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Toà án. Hiện nay ông K cũng không đến tham gia phiên tòa.

Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Trong thời hạn giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M đã nộp tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà M không yêu cầu các đương sự trong vụ án thanh toán chi phí tố tụng cho bà.

Chị Phan Thị Hiếu T và Phan Thị Như Q đều trình bày: Các chị là con gái của bà Nguyễn Thị M và Phan Văn K. Hiện nay bố mẹ các chị đang làm thủ tục li hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, do các chị hiện tại đang sinh sống ở tỉnh Bình Dương không tiện về trực tiếp để tham gia phiên tòa

nên các chị làm bản tự khai để trình bày ý kiến: Theo như các chị được biết hiện tại tài sản chung của bố mẹ các chị gồm 2 mảnh đất: Một ở địa chỉ: Ấp C, L, B, Bình Dương và hai là ở địa chỉ: Thôn X, xã V, V, Vĩnh Phúc. Khi bố mẹ mua 2 mảnh đất trên thì các chị đang còn nhỏ ở độ tuổi đi học. Ở thời điểm đó các chị phụ thuộc vào sự nuôi nấng chu cấp từ bố mẹ nên không tham gia đóng góp kinh tế gia đình. Vì vậy các chị làm đơn để xác nhận tại thời điểm đó số tiền mua 2 mảnh đất trên đều là của bố mẹ các chị.

Xác minh tại UBND xã V cho biết: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 04/12/1981, sau khi kết hôn đến khoảng năm 1987 thì vợ chồng ông bà đi vào huyện B, tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống cho đến năm 2007 ông K về quê V, đến năm 2010 thì bà M về V ở. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương có nghe nói là do ông bà mâu thuẫn từ việc ông bà sinh 2 con gái mà ông Kim L muốn có con trai để nối dõi, ông K và bà M có nhiều đánh cãi chửi nhau. Ông bà sống ly thân được thời gian khoảng vài tháng nay. Nay bà M xin ly hôn ông K, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật về khả năng đoàn tụ của ông bà là hơi khó vì mâu thuẫn của ông bà đã lâu và căng thẳng. Về con chung ông bà Minh K1 có hai con chung là Phan Thị Hiếu T sinh ngày 21/3/1995 và Phan Thị Như Q sinh ngày 20/02/2003. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi; Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà M và ông K1 có tạo lập được khối tài sản như bà M đã trình bày là đúng. Ngoài ra ông Phan Văn K có 01 thửa đất số 86 tờ bản đồ số 02 diện tích 131m² ở thôn X đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn K (nguồn gốc đất do ông cha để lại). Đối với thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M có 01 phần diện tích sử dụng là mương thoát nước 19.1m² và 01 phần diện tích sử dụng lấn ra đường 1.7m², phần diện tích này thuộc quản lý của UBND xã V, UBND xã V sẽ khởi kiện bằng 1 vụ án khác không giải quyết trong vụ án này. Nay bà M yêu cầu phân chia tài sản chung với ông K quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Ngày 25/01/2024 Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với tài sản là thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra hiện trạng quyền sử dụng đất có diện

tích là 140,8m². Về giá trị tài sản Hội đồng đã định giá: đất ở trị giá 17.000.000đ/1m²x120m² = 2.040.000.000đồng; nhà xây hai tầng trị giá: 1.632.000đ/m² x338,8m² xây dựng = 552.921.600đồng. Tổng tài sản trị giá 2.592.921.600đồng.

Ngày 07/5/2024 Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã xem xét thẩm định và định giá đối với thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6001m² (trong đó đất ở là 300m² và đất trồng cây lâu năm là 5.701m²) ở xã L, huyện H, tỉnh Bình Dương cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Qua kiểm tra hiện trạng thửa đất có diện tích là 5.889,3m², thửa đất thuộc diện thu hồi theo Quyết định số 3695/QĐ-CT ngày 29/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc thu hồi đất của Trung tâm N (nay là Trung tâm N1, giao cho UBND huyện B quản lý). Về giá trị tài sản Hội đồng đã định giá: đất ở trị giá 1.340.000đồngx300m² = 402.000.000đ, đất trồng cây lâu năm vị trí 1 trị giá 203.000đx703,5m² =142.810.500đồng và vị trí 2 là 161.000đồngx4.885,8m² = 786.613.800đồng. Tài sản trên đất có: 01 căn nhà đã xuống cấp không còn sử dụng trị giá 523.350đx85m²= 44.484.750đồng, 01 chuồng heo không còn sử dụng trị giá 144.000đx130m²=18.720.000đồng, 01 nhà vệ sinh và bếp trị giá 1.221.150đx28m²=34.192.200đồng, 01 nhà chính lợp mái tôn trị giá 1.954.000đx110,7m²= 216.307.800đồng, 01 bàn thiên trị giá 265.000đồng, cây cao su trị giá 440.000đx 439cây = 193.160.000đồng, 01 bồn nước 1000l trị giá 600.000đồng. Tổng tài sản trị giá 1.839.417.450đồng.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phan Văn K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K có 02 con chung là Phan Thị Hiếu T sinh ngày 21/3/1995 và Phan Thị Như Q sinh ngày 20/02/2003. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên bà M, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn K ngày 07/9/2010 là 6001m² ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, diện tích đo đạc hiện trạng là 5.889,3 m² (trong đó 300m² đất ở nông thôn

và 5589,3m² đất trồng cây lâu năm) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên bao gồm các công trình xây dựng (nhà, bếp, vệ sinh, chuồng heo) cây trồng (cây cao su), cùng các tài sản khác trên diện tích đất được giao. Khi có Quyết định thu hồi đất thì bà M phải có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất.

Giao cho ông Phan Văn K được quyền sử dụng thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Bà M tự nguyện không yêu cầu ông Kim thanh T1 chênh lệch tiền tài sản.

Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng dân sự*: Bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn của bà và ông Phan Văn K theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông K và bà M đều có hộ khẩu thường trú tại tổ H, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên hiện nay cả ông K và bà M đều cư trú tại thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của ông Phan Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông K vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K là đúng trình tự pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M kết hôn với Phan Văn K và có đăng ký kết hôn ngày 04/12/1981 tại UBND xã V, trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm trong việc sinh con, do tư tưởng cần có con

traí để nói dối tổ tông khi ông K là con trai lớn và là trưởng họ K, bà Minh S được 02 người con gái, từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, từ năm 2023 đến nay ông bà sống ly thân nhưng mâu thuẫn đã căng thẳng từ nhiều năm trước. Bản thân ông K đã có lần làm đơn xin ly hôn bà M, tuy nhiên sau đó ông K đã rút đơn ly hôn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án HNGĐ. Mặc dù vậy, tình cảm vợ chồng giữa ông K và bà M vẫn không cải thiện được và tiếp tục mâu thuẫn căng thẳng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy bà M xin ly hôn ông K là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Ông Kim X đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng nên yêu cầu xin đoàn tụ của ông K không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K có 02 con chung là Phan Thị Hiếu T sinh ngày 21/3/1995 và Phan Thị Như Q sinh ngày 20/02/2003. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, lao động tự túc được. Ly hôn bà M và ông K đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà M và ông K đã trình bày về tài sản, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã xuất trình cho Tòa án bao gồm: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trong thời kỳ hôn nhân, tài sản gắn liền với đất được hình thành trong thời kỳ ông K và bà M chung sống. Ông K đề nghị cho thời gian để nộp tài liệu chứng minh tài sản riêng nhưng đến nay ông K chưa nộp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đó là tài sản riêng của ông K. Mặt khác lời khai của các con chung của ông K và bà M đều thừa nhận: Khi ông bà mua 2 mảnh đất trên các chị đang còn nhỏ ở độ tuổi đi học, sống phụ thuộc vào sự nuôi nấng chu cấp từ ba mẹ nên không tham gia đóng góp kinh tế gia đình, các chị đều xác nhận tại thời điểm đó số tiền mua 2 mảnh đất trên đều là của ba mẹ. Do vậy có đủ cơ sở để xác định ông K và bà M có tài sản chung bao gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M ngày 05/8/2008, đã được cấp đổi ngày 19/5/2023 đứng tên bà Nguyễn Thị M cùng tài sản gắn liền với thửa đất là 01 nhà xây 02 tầng; Quyền sử dụng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích 6001m² ở xã L, huyện

H, tỉnh Bình Dương đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn K ngày 07/9/2010 cùng tài sản gắn liền với thửa đất là nhà xây cấp bốn đã cũ, bếp, công trình vệ sinh, chuồng heo, cây cao su, bàn thiên, bồn nước cũ.

Ngày 25/01/2024 Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản là thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua kiểm tra thực trạng thửa đất có diện tích là 140,8m², trong đó đất được giao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo chỉ giới 10,11,7,8,9,10 diện tích 120m² (theo sơ đồ), một phần diện tích sử dụng là mương thoát nước 17.1m² và 01 phần diện tích sử dụng lấn ra đường 1.7m². Phần diện tích này thuộc quản lý của UBND xã V, tuy nhiên do UBND xã V không yêu cầu giải quyết mà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đưa UBND xã V tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Về giá trị tài sản Hội đồng đã định giá tổng tài sản trị giá 2.592.921.600đồng.

Ngày 07/5/2024 Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã xem xét thẩm định đối với thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6001m² (trong đó đất ở là 300m² và đất trồng cây lâu năm là 5.701m²) ở xã L, huyện H, tỉnh Bình Dương đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn K ngày 09/9/2010. Qua kiểm tra hiện trạng thửa đất có diện tích là 5.889,3m² thửa đất thuộc diện thu hồi theo Quyết định số 3695/QĐ-CT ngày 29/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc thu hồi đất của Trung tâm N (nay là Trung tâm N1, giao cho UBND huyện B quản lý). Về giá trị tài sản Hội đồng đã định giá tổng tài sản trị giá 1.839.417.450đồng.

Ly hôn bà M đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng, bà M xin được sử dụng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 6001m² (diện tích đo hiện trạng là 5.889,3m²) ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương làm nơi ăn ở vì hiện nay 2 con gái của bà đang sinh sống và làm việc tại huyện B, tỉnh Bình Dương. Còn lại giao cho ông K sử dụng thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và nhà xây hai tầng trên thửa đất nêu trên. Về chênh lệch tài sản bà M không yêu cầu ông K phải thanh toán chênh lệch cho bà. Nếu ông K nhất trí giao thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cho bà sử dụng thì bà cũng nhất trí giao cho ông K sử dụng thửa đất số 533, tờ

bản đồ số 37, diện tích 6001m² ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương với điều kiện hai bên không phải thanh toán chênh lệch gì cho nhau tuy nhiên ông K không đồng ý ly hôn và không đồng ý phân chia tài sản theo yêu cầu của bà M. Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo việc ăn ở cũng như quyền sử dụng tài sản của các bên, cần phân chia tài sản của bà M là phù hợp nên cần được chấp nhận, giao cho bà M được quyền sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích 6001m² (diện tích đo theo hiện trạng là 5.889,3m²) ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương tổng tài sản bà M được sử dụng trị giá là 1.839.417.450đồng. Giao cho ông K được quyền sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, tổng tài sản giao cho ông K sử dụng trị giá là 2.592.921.600 đồng. Bà M không yêu cầu ông Kim thanh T1 chênh lệch tiền tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản giao cho bà M sử dụng, sau này có thu hồi đất thì bà M phải có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất.

Về tài sản riêng: Qua xác minh tại UBND xã V cho biết ông Phan Văn K còn có 01 thửa đất số 86 tờ bản đồ số 02 diện tích 131m² ở thôn X đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn K (nguồn gốc đất do ông cha để lại). Bà M thừa nhận đó là tài sản riêng của ông Phan Văn K nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ, công sức và đất canh tác: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí phân chia tài sản chung: Ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí giá ngạch tài sản đối với tài sản chung được phân chia. Tuy nhiên do bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi, bà M có đơn xin được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí phân chia tài sản chung nên bà M được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và miễn nộp tiền án phí phân chia tài sản chung. Ông Phan Văn K là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp tiền án phí phân chia tài sản chung nên ông K phải chịu án phí đối với tài sản được phân chia, cụ thể tổng tài sản ông K được chia là 2.592.921.600đồng nên án phí ông K phải chịu là 72 triệu + 2% $\times$ 592.921.600đồng = 83.858.432 đồng (được làm tròn là 83.858.000đồng)

Về chi phí tố tụng: Trong thời hạn giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M đã nộp tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà M không yêu cầu các đương sự trong vụ án thanh toán chi phí tố tụng cho bà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã đề nghị về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 29, Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phan Văn K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 37, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn K ngày 07/9/2010 là 6001m² ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, diện tích đo đạc hiện trạng là 5.889,3 m² (trong đó 300m² đất ở nông thôn và 5589,3m² đất trồng cây lâu năm) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên bao gồm các công trình xây dựng (nhà, bếp, vệ sinh, chuồng heo) cây trồng (cây cao su), cùng các tài sản khác trên diện tích đất được giao (Có sơ đồ chi tiết kèm theo). Khi có Quyết định thu hồi đất thì bà M phải có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất.

Giao cho ông Phan Văn K được quyền sử dụng thửa đất số 541, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m² ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Bà M tự nguyện không yêu cầu ông Kim thanh T1 chênh lệch tiền tài sản (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Về tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn K tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí. Ông Phan Văn K là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên ông K phải chịu án phí phân chia tài sản là 83.858.432 đồng (được làm tròn là 83.858.000đồng).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Di;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hải